VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong Bộ Quốc phòng

Thông tư số 08/2017/TT-BQP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong Bộ Quốc phòng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 02 năm 2017, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 137/2021/TT-BQP ngày 25 tháng 10 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-BQP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong Bộ Quốc phòng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 12 năm 2021.

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 35/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Tổng cục Kỹ thuật,

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong Bộ Quốc phòng[1].

---

[1] Thông tư số 137/2021/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 08/2017/TT-BQP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong Bộ Quốc phòng, có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật an toàn, vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

Căn cứ Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động;

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; điều kiện, tiêu chuẩn cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, kiểm định viên và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với Trung tâm Kiểm định kỹ thuật an toàn quân đội; kiểm định viên và Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Kiểm định viên là người được cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ kiểm định viên kỹ thuật an toàn lao động (sau đây viết gọn là chứng chỉ kiểm định viên); trực tiếp thực hiện hoặc chỉ đạo, giám sát kỹ thuật viên về thực hiện việc kiểm định kỹ thuật an toàn máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

2. Đối tượng kiểm định là máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Quốc phòng được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Kiểm định kỹ thuật an toàn lao động (sau đây viết gọn là kiểm định) là hoạt động theo quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, nhằm đánh giá và xác nhận sự phù hợp tình trạng kỹ thuật an toàn của đối tượng kiểm định được quy định trong các quy chuẩn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng đối với đối tượng kiểm định.

4. Đơn vị kiểm định kỹ thuật an toàn lao động (sau đây viết gọn là đơn vị kiểm định) là đơn vị có đủ các điều kiện theo quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

Căn cứ Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 164/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Tổng cục Kỹ thuật;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-BQP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong Bộ Quốc phòng".

Chương II
KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG

Điều 4. Các trường hợp phải kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

1. Lần đầu trước khi đưa đối tượng kiểm định vào sử dụng.

2. Định kỳ khi đối tượng kiểm định đến hạn kiểm định lại.

3. Sau khi lắp đặt lại đối tượng kiểm định hoặc có cải tạo, sửa chữa làm thay đổi kết cấu, thông số kỹ thuật của đối tượng kiểm định.

4. Theo yêu cầu của đơn vị sử dụng hoặc theo yêu cầu của Cơ quan An toàn, bảo hộ lao động quân đội.

Điều 5. Phân cấp thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

1. Trung tâm Kiểm định kỹ thuật an toàn quân đội thuộc Tổng cục Kỹ thuật hoặc tổ chức kiểm định kỹ thuật an toàn lao động được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định quy định tại Khoản 1 Điều 13 Thông tư này; hoặc được Cơ quan An toàn, bảo hộ lao động quân đội ủy quyền bằng văn bản thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với các đối tượng kiểm định quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Cơ sở Đo lường Chất lượng, Trạm kiểm định chai chứa khí nén thuộc ngành kỹ thuật của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với một số đối tượng kiểm định thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Quốc phòng khi có đủ điều kiện quy định tại Điều 11 Thông tư này; hoặc được uỷ quyền bằng văn bản của Cơ quan An toàn, bảo hộ lao động quân đội.

Điều 6. Quy trình thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

1. Cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng gửi báo cáo bằng văn bản nhu cầu kiểm định kỹ thuật an toàn lao động các trường hợp được quy định tại Điều 4 Thông tư này về Cơ quan An toàn, bảo hộ lao động quân đội trước ngày 15 tháng 11 hằng năm.

2. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ báo cáo bằng văn bản nhu cầu kiểm định của các cơ quan, đơn vị, Cơ quan An toàn, bảo hộ lao động quân đội tổng hợp, xây dựng kế hoạch kiểm định kỹ thuật an toàn lao động của Bộ Quốc phòng và Báo cáo Chủ nhiệm Tổng cục Kỹ thuật phê duyệt.

3. Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu đề nghị kiểm định, đơn vị kiểm định có trách nhiệm hiệp đồng với cơ quan, đơn vị sử dụng đối tượng kiểm định để tiến hành kiểm định.

4. Khi kiểm định đạt yêu cầu, đơn vị kiểm định:

a) Lập biên bản kiểm định;

b) Ghi tóm tắt kết quả kiểm định vào lý lịch của thiết bị;

c) Dán tem kiểm định hoặc thể hiện ký hiệu các thông tin kiểm định lên đối tượng kiểm định;

d) Cấp Giấy chứng nhận kết quả kiểm định.

5. Dừng kiểm định, dừng hoạt động đối với đối tượng kiểm định

a) Dừng hoạt động đối tượng kiểm định trong các trường hợp: Hết hiệu lực ghi trên Giấy chứng nhận kết quả kiểm định; sau khi đã khắc phục mà đối tượng kiểm định vẫn không đạt yêu cầu;

b) Dừng kiểm định trong trường hợp phát hiện đối tượng kiểm định không đủ các yếu tố kỹ thuật an toàn hoặc có nguy cơ dẫn đến sự cố, tai nạn lao động.

Điều 7. Giấy chứng nhận kết quả kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

1. Tổng cục Kỹ thuật thống nhất in, phát hành quản lý phôi và Giấy chứng nhận kết quả kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với đối tượng kiểm định thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Quốc phòng. Giấy chứng nhận kết quả kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thực hiện theo Mẫu 1 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Đơn vị trực tiếp kiểm định kỹ thuật an toàn lao động chịu trách nhiệm và ghi nội dung chứng nhận kết quả kiểm định trên phôi Giấy chứng nhận kết quả kiểm định, định kỳ sáu tháng và hằng năm, thực hiện kiểm kê, báo cáo việc sử dụng phôi Giấy chứng nhận kết quả kiểm định thực hiện theo Mẫu 3 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 8. Tem kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

1. Tem kiểm định hoặc ký hiệu đóng hoặc dập trên đối tượng kiểm định do đơn vị kiểm định phát hành, quản lý và được đăng ký tại Cơ quan An toàn, bảo hộ lao động quân đội thuộc Tổng cục Kỹ thuật; tem kiểm định thực hiện theo Mẫu 2 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Tem kiểm định phù hợp với kích thước của đối tượng kiểm định, đảm bảo các thông số ghi trên tem và nhận biết được bằng mắt thường.

3. Tem kiểm định được dán lên đối tượng kiểm định ở vị trí dễ thấy, dễ đọc; tem làm bằng vật liệu không dễ mờ, dễ bong.

4. Ký hiệu đóng hoặc dập trên đối tượng kiểm định khi đối tượng kiểm định không thể dán tem kiểm định.

Điều 9. Đăng ký đối tượng kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

1. Đối tượng kiểm định sau khi kiểm định kỹ thuật an toàn lao động lần đầu đạt yêu cầu:

a) Trước khi đưa vào sử dụng phải đăng ký với Cơ quan An toàn, bảo hộ lao động quân đội;

b) Việc đăng ký chỉ thực hiện một lần đối với mỗi đối tượng.

2. Các trường hợp đăng ký lại:

a) Thay đổi đơn vị quản lý;

b) Sau khi cải tạo, sửa chữa làm thay đổi kết cấu, thông số kỹ thuật của đối tượng kiểm định đã đăng ký.

Điều 10. Trách nhiệm, hồ sơ đăng ký đối tượng kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

1. Trách nhiệm đăng ký đối tượng kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

a) Cơ quan An toàn, bảo hộ lao động quân đội đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đối tượng kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Quốc phòng. Giấy chứng nhận đăng ký thực hiện theo Mẫu 6 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Cục Kỹ thuật hoặc cơ quan quản lý công tác an toàn, bảo hộ lao động của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng và đơn vị sử dụng các đối tượng kiểm định phải lập sổ đăng ký, theo dõi quản lý các đối tượng kiểm định thuộc phạm vi quản lý. Mã hiệu đăng ký của từng đơn vị thực hiện theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này; Sổ đăng ký, theo dõi quản lý các đối tượng kiểm định an toàn lao động thực hiện theo Mẫu 4 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Hồ sơ, trình tự đăng ký đối tượng kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

a)[2] Hồ sơ, gồm:

- Tờ khai đăng ký đối tượng kiểm định thực hiện theo Mẫu 5 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;

- Lý lịch đối tượng kiểm định;

- Biên bản kiểm định;

---

[2] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 137/2021/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 08/2017/TT-BQP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong Bộ Quốc phòng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 12 năm 2021.

- Giấy chứng nhận kết quả kiểm định.

b)[3] Trình tự:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Giấy chứng nhận kết quả kiểm định, cơ quan, đơn vị sử dụng đối tượng kiểm định hoặc cơ quan, đơn vị được ủy quyền phải lập hồ sơ đăng ký đối tượng kiểm định được quy định tại điểm a khoản này và nộp trực tiếp, qua mail.bqp hoặc qua quân bưu đến Cơ quan An toàn, bảo hộ lao động quân đội.

3. Dừng đăng ký

a) Đối tượng kiểm định bị hư hỏng không có khả năng sửa chữa hoặc không có nhu cầu sử dụng, đơn vị quản lý đối tượng kiểm định phải báo cáo bằng văn bản về Cơ quan An toàn, bảo hộ lao động quân đội để dừng việc kiểm định và đăng ký;

b) Thu hồi đăng ký, ra quyết định thông báo cho cho cơ quan, đơn vị, cá nhân sử dụng đối tượng kiểm định.

Chương III

ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG VÀ KIỂM ĐỊNH VIÊN

Điều 11. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

1.[4] Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động (Nghị định số 44/2016/NĐ-CP), được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục

---

[3] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 137/2021/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 08/2017/TT-BQP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong Bộ Quốc phòng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 12 năm 2021.

[4] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 137/2021/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 08/2017/TT-BQP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong Bộ Quốc phòng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 12 năm 2021.

hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Nghị định số 140/2018/NĐ-CP).

2. Những người làm việc tại các đơn vị, tổ chức đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động trong Quân đội phải là người có lý lịch rõ ràng, đủ sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, bản lĩnh chính trị vững vàng và sẵn sàng nhận mọi nhiệm vụ khi tổ chức phân công;

3. Đơn vị từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên xác định thời gian công tác cho kiểm định viên.

Điều 12. Hồ sơ, thủ tục cấp, gia hạn, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

1.[5] Hồ sơ, thủ tục cấp, gia hạn, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 5 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2, 3 Điều 1 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP.

2. Mẫu các hồ sơ thực hiện theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Trình tự, thủ tục cấp, gia hạn, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động được quy định như sau:

a) Đơn vị, tổ chức có nhu cầu cấp, gia hạn, cấp lại Giấy chứng nhận gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều này; gửi trực tiếp hoặc qua quân bưu về Tổng cục Kỹ thuật và nộp lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính.

Đối với trường hợp gia hạn, ít nhất 30 ngày trước khi hết thời hạn trong Giấy chứng nhận, đơn vị, tổ chức gửi hồ sơ về Tổng cục Kỹ thuật.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Tổng cục Kỹ thuật có trách nhiệm thẩm định và cấp, gia hạn, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; trường hợp không cấp, gia hạn, cấp lại thì phải thông báo bằng văn bản hợp lệ và nêu lý do.

Điều 13. Thẩm quyền, thời hạn, thủ tục cấp, gia hạn, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

1. Chủ nhiệm Tổng cục Kỹ thuật cấp, gia hạn, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn máy, thiết bị, vật tư có

---

[5] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 137/2021/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 08/2017/TT-BQP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong Bộ Quốc phòng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 12 năm 2021.

yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động khi đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư này.

2. Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thực hiện theo Mẫu 13 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Thời hạn của Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.

a) 05 năm đối với Giấy chứng nhận cấp mới hoặc gia hạn.

b) Trường hợp cấp lại là thời gian còn lại của Giấy chứng nhận đã được cấp.

Điều 14. Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

1.[6] Các trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP.

2. Các tổ chức, cơ quan, đơn vị vi phạm một trong các trường hợp của khoản 1 Điều này, Chủ nhiệm Tổng cục Kỹ thuật ra quyết định thu hồi.

Điều 15. Tiêu chuẩn kiểm định viên

1.[7] Tiêu chuẩn kiểm định viên thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 2 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Có trình độ đại học trở lên, thuộc chuyên ngành kỹ thuật phù hợp với đối tượng kiểm định;

b) Có ít nhất 02 năm làm kỹ thuật kiểm định hoặc làm công việc thiết kế, sản xuất, lắp đặt, sửa chữa, vận hành, bảo trì về đối tượng kiểm định;

c) Đã hoàn thành khóa huấn luyện và sát hạch đạt yêu cầu về nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động với đối tượng kiểm định hoặc có thời gian thực

---

[6] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 137/2021/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 08/2017/TT-BQP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong Bộ Quốc phòng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 12 năm 2021.

[7] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 137/2021/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 08/2017/TT-BQP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong Bộ Quốc phòng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 12 năm 2021.

hiện kiểm định đối tượng kiểm định trên 10 năm tính từ thời điểm Thông tư này có hiệu lực.

2. Kiểm định viên trong Quân đội là người có lý lịch rõ ràng, đủ sức khỏe hoạt động trong môi trường quân đội, phẩm chất đạo đức tốt, bản lĩnh chính trị vững vàng và sẵn sàng nhận mọi nhiệm vụ khi tổ chức phân công.

3. Đơn vị từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên xác định thời gian công tác cho kiểm định viên.

Điều 16. Trình tự, thủ tục, cấp, cấp lại và thời hạn của chứng chỉ kiểm định viên

1.[8] Chứng chỉ kiểm định viên thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP. Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ kiểm định viên thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP và Điều 2 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP; cụ thể:

a) Đơn đề nghị cấp chứng chỉ kiểm định viên;

b) Bản sao văn bằng tốt nghiệp đại học của người được đề nghị cấp chứng chỉ có chứng thực hoặc xuất trình bản chính để đối chiếu;

c) Tài liệu chứng minh tiêu chuẩn quy định tại điểm b và điểm c khoản 5 Điều này;

d) Bản sao chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc thẻ căn cước công dân;

đ) 02 ảnh thẻ cỡ 3x4 cm của người được đề nghị cấp chứng chỉ chụp trong khoảng thời gian 06 tháng, kể từ ngày đề nghị.

2.[9] Hồ sơ cấp lại chứng chỉ kiểm định viên thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP và Điều 2 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Trường hợp bổ sung, sửa đổi nội dung chứng chỉ kiểm định viên thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP

---

[8] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 137/2021/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 08/2017/TT-BQP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong Bộ Quốc phòng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 12 năm 2021.

[9] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 137/2021/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 08/2017/TT-BQP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong Bộ Quốc phòng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 12 năm 2021.

b) Hồ sơ đề nghị cấp lại chứng chỉ kiểm định viên khi hết hạn bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ kiểm định viên;

- Bản gốc chứng chỉ đã được cấp;

- Kết quả sát hạch trước khi cấp lại.

c) Trường hợp chứng chỉ kiểm định viên bị hỏng hoặc mất, hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ kiểm định viên;

- 02 ảnh thẻ cỡ 3x4 cm của người được đề nghị cấp lại chứng chỉ chụp trong khoảng thời gian 06 tháng, kể từ ngày đề nghị.

d) Chứng chỉ kiểm định viên bị thu hồi được xem xét để cấp lại thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP.

3. Trình tự, thủ tục cấp, cấp lại chứng chỉ kiểm định viên.

Cá nhân có nhu cầu cấp, cấp lại chứng chỉ kiểm định viên phải lập 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này gửi trực tiếp hoặc qua quân bưu về Tổng cục Kỹ thuật. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Tổng cục Kỹ thuật có trách nhiệm kiểm tra tính pháp lý và cấp chứng chỉ kiểm định viên; trường hợp hồ sơ không hợp lệ trong thời hạn 03 ngày làm việc Tổng cục Kỹ thuật có trách nhiệm phải thông báo bằng văn bản hợp lệ và nêu lý do.

4. Mẫu chứng chỉ kiểm định viên thực hiện theo Mẫu 16 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Chứng chỉ kiểm định viên có thời hạn là 05 năm.

Điều 17. Quản lý, sử dụng chứng chỉ kiểm định viên

1. Quản lý, sử dụng chứng chỉ kiểm định viên thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP.

2. Kiểm định viên vi phạm một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP, Chủ nhiệm Tổng cục Kỹ thuật ra quyết định thu hồi.

Chương IV
TRÁCH NHIỆM CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Điều 18. Trách nhiệm của Tổng cục Kỹ thuật

1. Giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và đăng ký quản lý các đối tượng kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

2. Tiếp nhận, xử lý hồ sơ; cấp mới, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; cấp mới, cấp lại Chứng chỉ kiểm

định viên; in, phát hành, quản lý phôi Giấy chứng nhận kết quả kiểm định kỹ thuật an toàn lao động trong Bộ Quốc phòng.

3. Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đăng ký cho các đối tượng kiểm định; xây dựng, thống nhất quản lý và hướng dẫn sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; phát hành, quản lý Giấy chứng nhận đăng ký đối tượng kiểm định trong Bộ Quốc phòng.

4. Thanh tra, kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, công tác quản lý, sử dụng các đối tượng kiểm định trong Bộ Quốc phòng theo các quy định, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật an toàn của Nhà nước và Bộ Quốc phòng.

5. Đình chỉ, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, thu hồi chứng chỉ kiểm định viên theo quy định tại Điều 14, Điều 17 Thông tư này.

6. Chủ trì phối hợp với các cơ quan chức năng của Nhà nước, Bộ Quốc phòng và các chuyên ngành kỹ thuật xây dựng, ban hành hệ thống quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với các đối tượng kiểm định; xây dựng chương trình, giáo trình, kế hoạch, tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định viên kỹ thuật an toàn lao động cho các đơn vị kiểm định thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

7. Định kỳ hằng năm, thông báo tình hình kiểm định kỹ thuật an toàn lao động trong Bộ Quốc phòng; báo cáo với Thủ trưởng Bộ Quốc phòng theo đúng quy định.

Điều 19. Trách nhiệm của Tổng cục Công nghiệp quốc phòng

1. Giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và đăng ký quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trong Bộ Quốc phòng.

2. Thanh tra, kiểm tra việc kiểm định, quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trong Bộ Quốc phòng theo các quy định, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật an toàn của Nhà nước và Bộ Quốc phòng.

3. Định kỳ hằng năm, thông báo bằng văn bản tình hình kiểm định, cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trong Bộ Quốc phòng; báo cáo Thủ trưởng Bộ Quốc phòng (qua Tổng cục Kỹ thuật).

Điều 20. Trách nhiệm của Cục Kỹ thuật hoặc Cơ quan Quản lý an toàn, bảo hộ lao động của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng

1. Giúp Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng thống nhất quản lý về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động các đối tượng

kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý. Phối hợp với cơ quan chức năng Tổng cục Kỹ thuật và cơ quan liên quan phổ biến, hướng dẫn đơn vị sử dụng đối tượng kiểm định thực hiện Thông tư này.

2. Tiếp nhận hồ sơ khai báo, đề nghị đăng ký, kiểm định của các cơ quan đơn vị sử dụng đối tượng kiểm định; tổng hợp tờ khai đăng ký các đối tượng kiểm định gửi về Tổng cục Kỹ thuật. Tờ khai đăng ký thực hiện theo Mẫu 5 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Ghi sổ theo dõi đăng ký các đối tượng kiểm định thuộc phạm vi quản lý.

4. Chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị quản lý, khai thác, sử dụng đối tượng kiểm định tuân thủ theo đúng quy định tại các quy chuẩn, tiêu chuẩn về an toàn lao động của Nhà nước và của Bộ Quốc phòng.

5. Hằng năm, theo kỳ kế hoạch, xây dựng nhu cầu kiểm định trong Kế hoạch công tác kỹ thuật hoặc Kế hoạch sản xuất, kinh doanh, báo cáo đề nghị về cơ quan cấp trên trực tiếp của đơn vị kiểm định quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này. Chủ động phối hợp, hiệp đồng với đơn vị kiểm định và cơ quan, đơn vị sử dụng thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn đối tượng kiểm định theo kế hoạch; cử cán bộ kỹ thuật tham gia chứng kiến, giám sát quá trình kiểm định các đối tượng thuộc phạm vi đầu mối quản lý. Định kỳ 6 tháng, hằng năm báo cáo tình hình kiểm định các đối tượng kiểm định trong phạm vi quản lý về Bộ Quốc phòng (thông qua Tổng cục Kỹ thuật), báo cáo thực hiện theo Mẫu 19 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Chỉ đạo, hướng dẫn đơn vị sử dụng đối tượng kiểm định làm công tác chuẩn bị, bảo đảm đủ điều kiện để kiểm định; khắc phục các hiện tượng không bảo đảm an toàn trong quá trình kiểm định.

7. Kinh phí thực hiện việc kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và đăng ký các đối tượng kiểm định

a) Đối với các đơn vị dự toán, sử dụng từ ngân sách quốc phòng thường xuyên;

b) Đối với các đơn vị hạch toán, kinh doanh được hạch toán vào giá thành sản phẩm hoặc quỹ vốn đơn vị.

Điều 21. Trách nhiệm của đơn vị kiểm định

1. Thực hiện kiểm định theo phạm vi, đối tượng được quy định trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động. Phải tiến hành kiểm định theo đúng quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn lao động do Bộ Quốc phòng ban hành. Trường hợp một số đối tượng chưa có quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn lao động do Bộ Quốc phòng ban hành, đơn vị kiểm định căn cứ các quy trình, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia do các Bộ quản lý

ngành, lĩnh vực ban hành hoặc các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình kiểm định quốc tế, của các nước đã được Việt Nam thừa nhận để thực hiện kiểm định.

2. Thực hiện các nội dung quy định tại khoản 3, 4 và khoản 5 Điều 6 Thông tư này; không được từ chối kiểm định mà không có lý do chính đáng. Trong trường hợp không thực hiện được yêu cầu kiểm định phải thông báo bằng văn bản với đơn vị sử dụng đối tượng kiểm định (nêu rõ lý do, hướng giải quyết) và kịp thời báo cáo với Cơ quan An toàn, bảo hộ lao động quân đội để xử lý.

3. Sử dụng kiểm định viên thuộc đơn vị và kiểm định viên thuộc đơn vị kiểm định khác đã có thỏa thuận hợp tác bằng văn bản với đơn vị để thực hiện kiểm định. Cử kiểm định viên tham dự các lớp bồi dưỡng định kỳ nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.

4. Kiểm định lần đầu đối với các đối tượng kiểm định nhập khẩu sau khi đã hoàn thành các thủ tục hải quan; đối với các đối tượng kiểm định sản xuất trong nước sau khi đã được chứng nhận hợp quy và đã được đăng ký hợp quy.

5. Tem kiểm định thể hiện lên đối tượng kiểm định đạt yêu cầu theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

6. Cấp Giấy chứng nhận kết quả kiểm định kỹ thuật an toàn cho cơ quan, đơn vị sử dụng đối với đối tượng kiểm định đạt yêu cầu, thời gian cấp trong 05 ngày làm việc kể từ ngày công bố biên bản kiểm định. Không cấp Giấy chứng nhận khi đối tượng kiểm định không đạt yêu cầu, thông báo bằng văn bản kết quả kiểm định đến đơn vị, cá nhân sử dụng đối tượng kiểm định và cơ quan quản lý cấp trên.

7. Báo cáo định kỳ hằng quý (trước ngày 05 tháng đầu của quý tiếp theo), 06 tháng (trước ngày 05 tháng 7), hằng năm (trước ngày 10 tháng 01 của năm liền kề sau năm báo cáo) tình hình hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động với Tổng cục Kỹ thuật (qua Cơ quan An toàn, bảo hộ lao động quân đội). Báo cáo theo Mẫu 12, 19 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

8. Báo cáo Tổng cục Kỹ thuật (trong 15 ngày kể từ ngày có sự thay đổi) những thay đổi có ảnh hưởng tới hoạt động kiểm định ghi trên Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đã được cấp (qua Cơ quan An toàn, bảo hộ lao động quân đội).

9.[10] Nộp Cơ quan An toàn, bảo hộ lao động quân đội Giấy chứng nhận đủ

---

[10] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 137/2021/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 08/2017/TT-BQP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn

điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và các Chứng chỉ kiểm định viên khi hết hạn.

10.[11] Đăng ký logo, mẫu các loại tem kiểm định và ký hiệu đóng hoặc dập trên đối tượng kiểm định với Tổng cục Kỹ thuật.

11.[12] Chịu trách nhiệm về kết quả kiểm định kỹ thuật an toàn theo quy định của pháp luật; phải thu hồi kết quả kiểm định kỹ thuật an toàn đã cấp cho đối tượng kiểm định khi phát hiện sai phạm.

Điều 22. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị sử dụng đối tượng kiểm định

1.[13] Hiệp đồng với đơn vị kiểm định quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này để thực hiện kiểm định.

2. Lưu trữ lý lịch và các biên bản, Giấy chứng nhận kết quả kiểm định của các đối tượng kiểm định. Trong trường hợp điều chuyển, chuyển nhượng (hoặc cho thuê lại) các đối tượng kiểm định, đơn vị sử dụng đối tượng kiểm định phải bàn giao đầy đủ các tài liệu này đi kèm các đối tượng kiểm định.

3. Tạo điều kiện thuận lợi để đơn vị kiểm định thực hiện việc kiểm định, chuẩn bị đầy đủ các tài liệu kỹ thuật liên quan đến đối tượng kiểm định để cung cấp cho kiểm định viên và cử người đại diện chứng kiến quá trình kiểm định.

4. Thực hiện các kiến nghị của đơn vị kiểm định về việc bảo đảm an toàn trong quá trình sử dụng các đối tượng kiểm định; không được tiếp tục sử dụng các đối tượng kiểm định khi có kết quả kiểm định không đạt yêu cầu hoặc quá thời hạn kiểm định.

---

máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong Bộ Quốc phòng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 12 năm 2021.

[11] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 137/2021/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 08/2017/TT-BQP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong Bộ Quốc phòng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 12 năm 2021.

[12] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 137/2021/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 08/2017/TT-BQP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong Bộ Quốc phòng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 12 năm 2021.

[13] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 137/2021/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 08/2017/TT-BQP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong Bộ Quốc phòng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 12 năm 2021.

5. Sau khi lắp đặt, trước khi đưa vào sử dụng lần đầu, điều chuyển các đối tượng kiểm định từ đơn vị này đến đơn vị khác để sử dụng hoặc sau khi cải tạo, sửa chữa làm thay đổi kết cấu, thông số kỹ thuật, đơn vị sử dụng phải gửi phiếu khai báo sử dụng đối tượng kiểm định và bản sao Giấy chứng nhận kết quả kiểm định, Giấy chứng nhận đăng ký về Cơ quan An toàn, bảo hộ lao động quân đội để thực hiện đăng ký và cấp Giấy chứng nhận đăng ký mới. Phiếu khai báo thực hiện theo Mẫu 17 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Hằng năm, lập kế hoạch kiểm định đối với các đối tượng kiểm định; báo cáo tình hình kiểm định với cơ quan quản lý cấp trên. Báo cáo ngay cho Cơ quan An toàn, bảo hộ lao động quân đội về việc đơn vị kiểm định từ chối tiến hành kiểm định mà không có lý do chính đáng.

7. Quản lý, sử dụng đối tượng kiểm định theo đúng quy định tại các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia và các quy định của Bộ Quốc phòng về an toàn lao động.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH [14]

Điều 23. Điều khoản chuyển tiếp[15]

Bãi bỏ.

Điều 24. Hiệu lực thi hành

---

[14] Điều 2, Điều 3, Điều 4 của Thông tư số 137/2021/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 08/2017/TT-BQP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong Bộ Quốc phòng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 12 năm 2021, quy định như sau:

"***Điều 2.***

1. Bãi bỏ Điều 23.

2. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, chứng chỉ kiểm định viên được cấp theo quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BQP ngày 06 tháng 01 năm 2017 trước ngày Thông tư này có hiệu lực vẫn còn giá trị sử dụng trong thời hạn ghi trên Giấy chứng nhận, Chứng chỉ và thực hiện cấp lại theo quy định tại Thông tư này.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chủ nhiệm Tổng cục Kỹ thuật, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 06 tháng 12 năm 2021".

[15] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 137/2021/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 08/2017/TT-BQP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong Bộ Quốc phòng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 12 năm 2021.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 02 năm 2017 và thay thế Thông tư số 142/2014/TT-BQP ngày 22 tháng 10 năm 2014 của Bộ Quốc phòng quy định công tác kiểm định kỹ thuật an toàn máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong Bộ Quốc phòng.

Điều 25. Trách nhiệm thi hành

Chủ nhiệm Tổng cục Kỹ thuật và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trong toàn quân và các tổ chức, cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ QUỐC PHÒNG

Số: 12 /VBHN-BQP

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 09 tháng 12 năm 2021

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Thượng tướng Lê Huy Vịnh

Phụ lục I
MÃ HIỆU ĐƠN VỊ[1]

(Ban hành kèm theo Thông tư số 137/2021/TT-BQP ngày 25/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

TT	Tên đơn vị	Mã đăng ký	TT	Tên đơn vị	Mã đăng ký
1	Quân khu 1	01	31	Binh đoàn 12	31
2	Quân khu 2	02	32	Tổng cục Công nghiệp QP	32
3	Quân khu 3	03	33	Cục TC-ĐL-CL	33
4	Quân khu 4	04	34	Học viện Kỹ thuật quân sự	34
5	Quân khu 5	05	35	Tổng cục II	35
6	Quân khu 7	06	36	Cục Đối ngoại BQP	36
7	Quân khu 9	07	37	Học viện Hậu cần	37
8	BTL Thủ Đô Hà Nội	08	38	Viện KH-CNQS	38
9	Quân đoàn 1	09	39	Học viện Lục quân	39
10	Quân đoàn 2	10	40	TT Nhiệt đới Việt -Nga	40
11	Quân đoàn 3	11	41	Học viện Chính trị	41
12	Quân đoàn 4	12	42	Bệnh viện Quân y 175	42
13	Binh chủng Công binh	13	43	Viện TWQĐ108	43
14	Binh chủng Tăng - TG	14	44	Viện YH cổ truyền Qân đội	44
15	Binh chủng Thông tin liên lạc	15	45	BTL Bảo vệ Lăng CTHCM	45
16	Binh chủng Đặc công	16	46	Binh đoàn 15	46
17	Binh chủng Hoá học	17	47	Trường SQLQ2	47
18	Binh chủng Pháo binh	18	48	Trường SQLQ1	48
19	Quân chủng Hải quân	19	49	Học viện Quân y	49
20	Quân chủng PK - KQ	20	50	Tổng Công ty Đông Bắc	50
21	BTL Cảnh sát biển	21	51	Binh đoàn 18	51
22	BTL Bộ đội Biên phòng	22	52	Binh đoàn 16	52
23	Tổng cục Kỹ thuật	23	53	Tập đoàn CN-VTQĐ	53
24	TECAPRO	24	54	Tổng Công ty 36	54
25	Tổng cục Chính trị	25	55	Tổng Công ty Thái Sơn	55
26	Bộ Tổng Tham mưu	26	56	Tổng Công ty 319	56
27	Học viện Quốc phòng	27	57	Tổng Công ty ĐTPTN &ĐT	57
28	Tổng cục Hậu cần	28	58	Tổng Công ty Xăng dầu QĐ	58
29	Trường SQCT	29	59	Tổng Công ty Lũng Lô	59
30	Binh đoàn 11	30	60	Bộ Tư lệnh 86	60

Ghi chú: Quy định viết tắt các nhóm đối tượng khi đăng ký:
Thiết bị áp lực: AL; Thiết bị nâng: MT; Thang máy: TM; Đường ống dẫn khí: ĐÔ.

[1] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 137/2021/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 08/2017/TT-BQP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong Bộ Quốc phòng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 12 năm 2021.

Phụ lục II
ĐỐI TƯỢNG KIỂM ĐỊNH[2]
(Ban hành kèm theo Thông tư số 137/2021/TT-BQP ngày 25/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

STT	Nhóm đối tượng kiểm định	Trang thiết bị tối thiểu
1	Nhóm đối tượng kiểm định là nồi hơi và các thiết bị áp lực (trừ chai chứa khí hóa lỏng)	1. Bơm thử thủy lực; 2. Áp kế mẫu, áp kế kiểm tra các loại; 3. Thiết bị kiểm tra chiều dày kim loại bằng phương pháp siêu âm; 4. Thiết bị kiểm tra khuyết tật bằng phương pháp không phá hủy; 5. Thiết bị kiểm tra khuyết tật bằng phương pháp nội soi; 6. Dụng cụ, phương tiện kiểm tra kích thước hình học; 7. Thiết bị đo điện trở cách điện; 8. Thiết bị đo điện trở tiếp địa; 9. Thiết bị đo nhiệt độ; 10. Thiết bị đo độ ồn; 11. Thiết bị đo cường độ ánh sáng; 12. Thiết bị kiểm tra phát hiện rò rỉ khí; 13. Thiết bị đo điện vạn năng; 14. Ampe kìm; 15. Kìm kẹp chì.
2	Nhóm đối tượng kiểm định là thiết bị nâng, thang máy, thang cuốn	1. Máy trắc địa (kinh vĩ và thủy bình); 2. Tốc độ kế (máy đo tốc độ); 3. Thiết bị đo khoảng cách; 4. Dụng cụ phương tiện kiểm tra kích thước hình học; 5. Lực kế hoặc cân treo; 6. Thiết bị đo nhiệt độ; 7. Thiết bị đo cường độ ánh sáng; 8. Thiết bị đo điện trở cách điện; 9. Thiết bị đo điện trở tiếp địa; 10. Thiết bị đo điện vạn năng; 11. Ampe kìm.
3	Thiết bị của trạm kiểm định chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng	1. Thiết bị kiểm tra chiều dày kim loại bằng phương pháp không phá hủy; 2. Thiết bị xử lý khí dư trong chai; 3. Thiết bị tháo lắp van chai;

[2] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 137/2021/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 08/2017/TT-BQP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong Bộ Quốc phòng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 12 năm 2021.

		4. Thiết bị thử thủy lực chai; 5. Thiết bị thử kín chai; 6. Thiết bị thử giãn nở thể tích chai; 7. Thiết bị làm sạch bên trong chai; 8. Thiết bị kiểm tra bên trong bằng phương pháp nội soi; 9. Thiết bị hút chân không; 10. Cân (điện tử) khối lượng.
4	Nhóm đối tượng kiểm định thiết bị điện phòng nổ	1. Kính lúp có độ phóng đại phù hợp; 2. Thiết bị đo chiều dày; 3. Dụng cụ đo đạc cơ khí: Thước dây, thước kẹp, thước lá, căn lá và các dụng cụ khác có liên quan (búa, kìm, cờ lê...); 4. Máy đo nhiệt độ không tiếp xúc; 5. Thiết bị đo điện trở tiếp địa; 6. Thiết bị đo hiệu điện thế và dòng điện; 7. Thiết bị đo điện trở cách điện; 8. Thiết bị đo vận tốc dài và vận tốc quay; 9. Luxmet, Cờ lê lực; 10. Thiết bị đo độ dài; 11. Thiết bị đo đường kính; 12. Đèn chiếu sáng chuyên dụng.
5	Nhóm đối tượng đặc thù quân sự	1. Các thiết bị dùng cho nhóm đối tượng kiểm định là nồi hơi và các thiết bị áp lực (trừ chai chứa khí hóa lỏng); 2. Các thiết bị dùng cho nhóm đối tượng kiểm định là thiết bị nâng, thang máy, thang cuốn; 3. Các thiết bị dùng cho nhóm đối tượng kiểm định thiết bị điện phòng nổ; 4. Các thiết bị đặc thù chuyên dụng khác.

Phụ lục III
CÁC LOẠI MẪU
(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BQP ngày 06/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

Mẫu 1. Giấy chứng nhận kết quả kiểm định.

Mẫu 2. Tem kiểm định.

Mẫu 3. Báo cáo kiểm kê sử dụng phôi giấy chứng nhận kết quả kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.

Mẫu 4. Sổ đăng ký máy, thiết bị, vật tư cóyêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động

Mẫu 5. Tờ khai đăng ký máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

Mẫu 6. Giấy chứng nhận đăng ký.

Mẫu 7. Đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.

Mẫu 8. Danh mục phương tiện phục vụ công tác kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.

Mẫu 9[3]. Được bãi bỏ.

Mẫu 10. Danh sách phân công kiểm định viên.

Mẫu 11. Đề nghị cấp lại (sửa đổi, bổ sung) giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.

Mẫu 12. Báo cáo tình hình hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.

Mẫu 13. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.

Mẫu 14. Công văn đề nghị cấp (cấp lại) chứng chỉ kiểm định viên.

Mẫu 15. Sơ yếu lý lịch kiểm định viên.

Mẫu 16. Chứng chỉ kiểm định viên.

Mẫu 17. Phiếu khai báo sử dụng đối tượng kiểm định.

Mẫu 18. Báo cáo định kỳ tình hình hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.

Mẫu 19. Báo cáo thực lực và tình hình kiểm định kỹ thuật an toàn lao động.

---

[3] Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 137/2021/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 08/2017/TT-BQP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong Bộ Quốc phòng, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 12 năm 2021.

Mẫu 1. Giấy chứng nhận kết quả kiểm định

(MẶT TRƯỚC)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH

No: (Số seri).....

(MẶT SAU)

TÊN ĐƠN VỊ KIỂM ĐỊNH

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Số đăng ký chứng nhận:...(1)...

I. ĐƠN VỊ SỬ DỤNG

Tên đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

II. ĐỐI TƯỢNG KIỂM ĐỊNH

Tên đối tượng kiểm định:.....

Mã hiệu:.....Số chế tạo: .....

Nhà sản xuất/nước sản xuất: .....Năm chế tạo:.....

Đặc tính, thông số kỹ thuật: .....

.....

.....

Địa điểm lắp đặt:.....

Đã được kiểm định ..... (lần đầu, định kỳ, bất thường) đạt yêu cầu theo biên bản kiểm định số ..... ngày ... tháng ... năm .....

Tem kiểm định số:.....

Giấy chứng nhận kết quả kiểm định có hiệu lực đến ngày: ..... (*)

..., ngày..... tháng..... năm.....

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(*)Với điều kiện đơn vị sử dụng phải tuân thủ các quy định về sử dụng và bảo quản.

(Giấy chứng nhận có kích thước khổ A5)

(1) Số đăng ký chứng nhận của Đơn vị kiểm định do Cơ quan quản lý công tác an toàn lao động thuộc Bộ Quốc phòng cấp.

Lưu ý: Có nền lôgô của đơn vị kiểm định.

Mẫu 2. Tem kiểm định

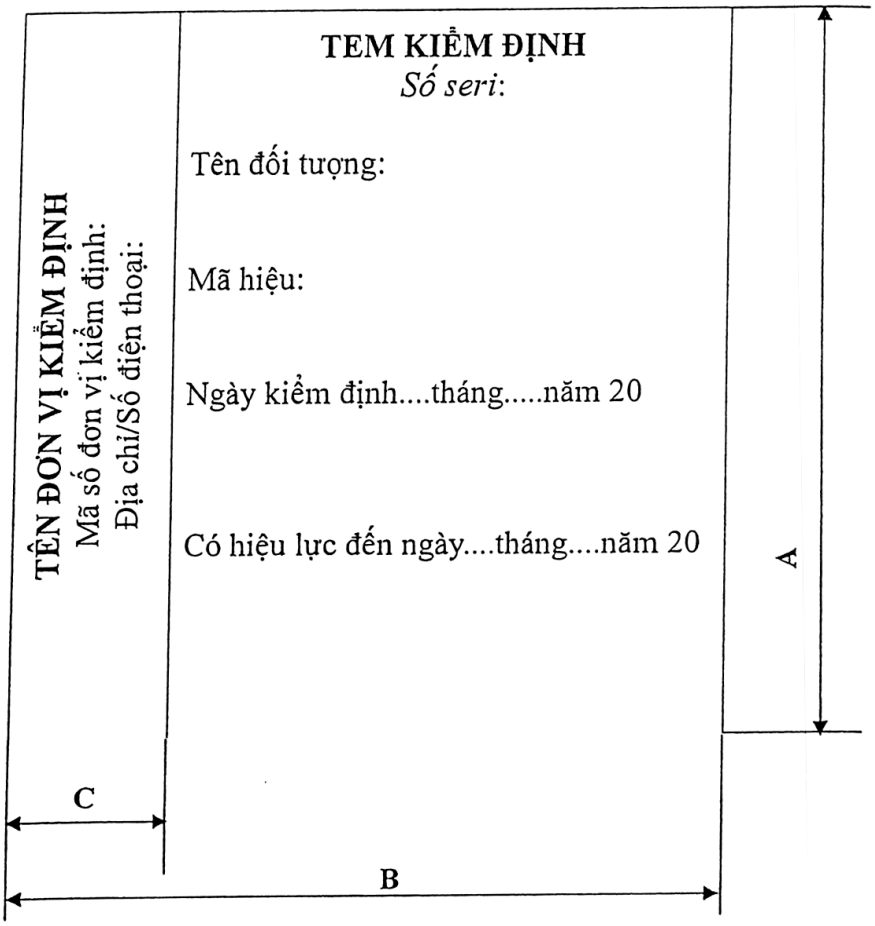

Chú thích: 1. Ngày kiểm định: Ghi ngày, tháng, năm kiểm định (ví dụ: Ngày 30 tháng 5 năm 2017) 2. Có hiệu lực đến ngày: Ghi ngày, tháng, năm hết hiệu lực của tem kiểm định (ví dụ: Ngày 01 tháng 6 năm 2018). 3. Số seri: Là các số tự nhiên kế tiếp nhau để quản lý và theo dõi, số màu đỏ.	4. Nền tem màu vàng, viền màu xanh, có chi tiết, hoa văn (do đơn vị kiểm định tự chọn). 5. Màu chữ: "Tên đơn vị kiểm định" màu đỏ; các chữ còn lại: Màu đen 6. Kích thước của tem: - B = 5/6 A - C = 1/5 B

Mẫu 3. Báo cáo kiểm kê sử dụng phôi giấy chứng nhận kết quả kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

.....(1).....
. .....(2).....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm .....

BÁO CÁO
KIỂM KÊ, SỬ DỤNG PHÔI GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG
(Quý....năm 20.....)

Số lượng có trong quý							Số lượng sử dụng trong quý						Số lượng tồn cuối quý		
Tồn cũ			Nhận mới			Tổng cộng	Số lượng sử dụng			Trong đó			Số lượng	Từ số	Đến số
Số lượng	Từ số	Đến số	Số lượng	Từ số	Đến số		Số lượng	Từ số	Đến số	Số lượng hỏng	Số lượng cấp	Các số sê ri hỏng			

Nơi gửi:
- Phòng An toàn, bảo hộ lao động quân đội;
- Lưu: VT,.....

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:
- (1) Tên đơn vị quản lý cấp trên;
- (2) Tên đơn vị kiểm định.

Mẫu 4. Sổ đăng ký máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động

I. ĐĂNG KÝ THIẾT BỊ NÂNG

TT	Đơn vị sử dụng, địa chỉ	Số đăng ký	Loại thiết bị	Mã hiệu	Số chế tạo	Nước chế tạo	Năm chế tạo	Trọng tải (kg)	Khẩu độ - Tầm với (m)	Vận tốc nâng (m/ph)	Ngày đăng ký	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)

Ghi chú:
- Loại thiết bị (cột 4): Ghi rõ là cần trục ô tô, cần trục bánh xích, cổng trục, pa lăng ...
- Mã hiệu thiết bị (cột 5): Ghi theo mã hiệu của nhà chế tạo.

II. ĐĂNG KÝ THANG MÁY VÀ THANG CUỐN

TT	Đơn vị sử dụng, địa chỉ	Số đăng ký	Loại thiết bị	Mã hiệu	Số chế tạo	Nước chế tạo	Năm chế tạo	Trọng tải hoặc năng suất	Số tầng hoặc bề rộng	Vận tốc (m/ph)	Ngày đăng ký	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)

Ghi chú:

- Loại thiết bị (cột 4): Ghi rõ là thang máy chở người, thang máy chở hàng kèm người, thang cuốn v.v...
- Mã hiệu thiết bị (cột 5): Ghi theo mã hiệu của nhà chế tạo.
- Cột 9: Đối với thang máy ghi trọng tải (kg); đối với thang cuốn ghi năng xuất (người/h).
- Cột 10: Đối với thang máy ghi số tầng phục vụ; đối với thang cuốn ghi bề rộng bậc thang (mm).

III. ĐĂNG KÝ THIẾT BỊ ÁP LỰC

TT	Đơn vị sử dụng, địa chỉ	Số đăng ký	Loại thiết bị	Mã hiệu	Số chế tạo	Nước chế tạo	Năm chế tạo	Áp suất làm việc (bar)	Dung tích, công suất (dm^3-Kg/h)	Ngày đăng ký	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)

Ghi chú:
- Loại thiết bị (cột 4): Ghi rõ là nồi hơi, nồi đun nước nóng, hệ thống lạnh, bình chứa khí nén v.v...
- Mã hiệu thiết bị (cột 5): Ghi theo mã hiệu của nhà chế tạo.

IV. ĐĂNG KÝ THIẾT BỊ ĐẶC THÙ QUÂN SỰ

TT	Đơn vị sử dụng, địa chỉ	Số đăng ký	Loại thiết bị	Mã hiệu	Số chế tạo	Nước chế tạo	Năm chế tạo	Thông số (kg, bar)	Thông số (m, dm^3, Kg/h)	Vận tốc nâng (m/ph)	Đặc tính khác	Ngày đăng ký	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)

Ghi chú:

- Loại thiết bị (cột 4): Ghi rõ tên thiết bị.
- Mã hiệu thiết bị (cột 5): Ghi theo mã hiệu của nhà chế tạo.
- Thông số (cột 9 và 10): Ghi thông số tuỳ thuộc vào đặc điểm của loại thiết bị (nâng hoặc áp lực).
- Cột 11: Sử dụng cho thiết bị dùng để nâng hạ, còn các loại máy, thiết bị, vật tư khác bỏ cột này.
- Đặc tính khác (cột 12): Ghi đặc điểm của các thiết bị có những quy định đặc thù về an toàn lao động.

Mẫu 5. Tờ khai đăng ký máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động

.....(1)*.....	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....(2)*.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm.....

TỜ KHAI

Đăng ký máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động

Kính gửi: .....(3)*.....

Căn cứ Thông tư số /2016/TT-BQP ngày tháng năm 2016 của Bộ Quốc phòng quy định công tác kiểm định kỹ thuật an toàn máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong Bộ Quốc phòng;

Đơn vị ....(2)*..đề nghị được đăng ký các đối tượng có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động như sau:

TT	Quy cách kỹ thuật / Tên đối tượng	Mã hiệu	Nơi chế tạo	Nơi lắp đặt	Đặc tính kỹ thuật cơ bản				Mục đích sử dụng
					A	B	C	D	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

Trưởng ban (Trợ lý) An toàn lao động
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Tờ khai dùng cho đơn vị cơ sở và các đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng:

(1)* Tên đơn vị quản lý cấp trên;

(2)* Tên đơn vị, đầu mối khai đăng ký;

(3)* Tên đơn vị đăng ký;

(2) Tên đối tượng, nước sản xuất, năm sản xuất;

(4) Đơn vị chế tạo, địa chỉ đơn vị chế tạo;

(5) Đơn vị lắp đặt (sử dụng thiết bị), địa chỉ đơn vị lắp đặt.

* Đặc tính kỹ thuật cơ bản (6), (7), (8), (9) ghi các thông số sau:

- Đối với thiết bị áp lực, A: Áp suất (bar, 1 bar = 1,02 KG/cm^2); B: Dung tích (l); C: Năng suất (kg/h, kcal/h);
- Đối với thiết bị nâng, A: Trọng tải (T); B: Khẩu độ (m); C: Vận tốc (m/min);
- Đối với thang máy, A: Trọng tải (kg); B: Số tầng dừng; C: Vận tốc (m/min).
- Đối với các thiết bị đặc thù quân sự, ghi các thông số yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn đặc trưng;

* Nếu đăng ký lại cần ghi dòng chữ "Đăng ký lại" dưới dòng "Tờ khai đăng ký".

Mẫu 6. Giấy chứng nhận đăng ký

(MẶT TRƯỚC)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ

Số	1	2	3

(Kích thước 15 x 21cm, có 2 mặt)

Ghi chú:
- Ô số 1 ghi: Mã hiệu đăng ký của đơn vị;
- Ô số 2 ghi: Ký hiệu nhóm đối tượng;
- Ô số 3 ghi: Thứ tự trong sổ đăng ký.

(MẶT SAU)

Căn cứ Thông tư số /2017/TT-BQP ngày tháng 01 năm 2017 của Bộ Quốc phòng quy định công tác kiểm định kỹ thuật an toàn đối với máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong Bộ Quốc phòng;

BỘ THAM MƯU - TỔNG CỤC KỸ THUẬT
CHỨNG NHẬN

Đơnvị:.....
Địa chỉ:.....
Đã đăng ký sử dụng:.....
Với các đặc tính cơ bản sau:
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Trong quá trình sử dụng đối tượng kiểm định, đơn vị phải tuân thủ quy định của các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các quy định của Bộ Quốc phòng về an toàn lao động.

....., ngày.....tháng .....năm .....
TL. THAM MƯU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG AT-BHLĐQĐ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu 7. Đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

.....(1).....	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....(2).....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm.....

ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG

Kính gửi:.....(3).....

1. Tên đơn vị:..... .....

2. Địa chỉ liên lạc:..... .....

Điện thoại: .....Fax: ..... E-mail:.....

3. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép đầu tư số ..... Cơ quan cấp:..... cấp ngày..... tại.....

4. Người đại diện theo pháp luật:

Họ tên: ..... Giới tính: .....

Chức vụ: .....

Quốc tịch ..... Sinh ngày: .....

Số CM..... Cấp ngày ..... tại .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

Điện thoại: ..... E-mail: .....

5. Sau khi nghiên cứu quy định tại Thông tư số /2016/TT-BQP ngày tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định công tác kiểm định kỹ thuật an toàn máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong Bộ Quốc phòng, chúng tôi nhận thấy có đủ các điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với các đối tượng kiểm định trong phạm vi sau đây:

STT	**Tên đối tượng kiểm định** (Theo danh mục máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động hiện hành trong Bộ Quốc phòng)	**Giới hạn đặc tính kỹ thuật** (Giới hạn đặc tính kỹ thuật máy, thiết bị, vật tư mà đơn vị có thể thực hiện)
1	.....	
2	.....	

Đề nghị Tổng cục Kỹ thuật xem xét và và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cho ... (2)..... theo phạm vi nêu trên.

6. Tài liệu gửi kèm theo gồm có:

- .....
- .....

7. .....(2)..... xin cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đề nghị này và các hồ sơ, tài liệu kèm theo;

- Thực hiện đúng các quy định về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và các quy định khác của pháp luật có liên quan./.

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên đơn vị quản lý cấp trên;
- (2) Tên đơn vị kiểm định;
- (3) Tên Cơ quan quản lý Công tác an toàn, bảo hộ lao động trong Bộ Quốc phòng.

Mẫu 8. Danh mục phương tiện phục vụ công tác kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

.....(1).....
.....(2).....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm.....

DANH MỤC
PHƯƠNG TIỆN PHỤC VỤ CÔNG TÁC KIỂM ĐỊNH CỦA ...(2)..

TT	Tên phương tiện	Thông số kỹ thuật	Tình trạng hiệu chuẩn/ Kiểm định	Thời hạn hiệu chuẩn	Mã số chế tạo thiết bị	Tình trạng thiết bị
1						
2						
3						
4						
.						
.						

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên đơn vị quản lý cấp trên;
- (2) Tên đơn vị kiểm định.

Mẫu 9. Bãi bỏ

Mẫu 10. Danh sách phân công kiểm định viên

.....(1).....
.....(2).....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm.....

DANH SÁCH
PHÂN CÔNG KIỂM ĐỊNH VIÊN

STT	Họ và tên	Phạm vi kiểm định phân công	Ghi chú
1			
2			
3			
4			
....			

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên đơn vị quản lý cấp trên;
- (2) Tên đơn vị kiểm định.

Mẫu 11. Đề nghị cấp lại (sửa đổi, bổ sung) giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

.....(1).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....(2).....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm.....

ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG) GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG

Kính gửi:.....(3)...

1. Tên đơn vị:.....

2. Địa chỉ liên lạc:..... .....

Điện thoại: .....Fax: ..... E-mail:.....

3. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép đầu tư số ..... Cơ quan cấp:..... cấp ngày..... tại.....

4. Người đại diện theo pháp luật:

Họ tên: ..... Giới tính: .....

Chức vụ: .....

Quốc tịch ..... Sinh ngày: .....

Số CM..... Cấp ngày ..... tại .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

Điện thoại: ..... E-mail: .....

5. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đã được cấp số:..... ; Hết hiệu lực:.....

6. Lý do đề nghị cấp lại (sửa đổi, bổ sung):.....

7. Nội dung đề nghị cấp lại (sửa đổi, bổ sung):.....(2)...đề nghị. ....(3)... xem xét và cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động theo phạm vi sau đây:

STT	**Tên đối tượng kiểm định** (Theo danh mục máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động hiện hành trong Quân đội)	**Giới hạn đặc tính kỹ thuật** (Giới hạn đặc tính kỹ thuật máy, thiết bị, vật tư mà đơn vị có thể thực hiện)
1		
2		
...		

8. Tài liệu kèm theo gồm có:

- .....
- .....
- .....

9.....(2)..... xin cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đề nghị này và các hồ sơ, tài liệu kèm theo.

- Thực hiện đúng các quy định về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và các quy định khác của pháp luật có liên quan./.

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên đơn vị quản lý cấp trên;
- (2) Tên đơn vị kiểm định;
- (3) Tên Cơ quan quản lý Công tác an toàn, bảo hộ lao động trong Bộ Quốc phòng.

Mẫu 12. Báo cáo tình hình hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

.....(1).....
.....(2).....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm.....

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG
TỪ NĂM 20... ĐẾN NĂM 20...

Kính gửi:.....(3).....

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐƠN VỊ

1. Tên đơn vị:..... .....

2. Địa chỉ liên lạc:..... .....

Điện thoại: .....Fax: ..... E-mail:.....

3. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép đầu tư số ..... Cơ quan cấp:..... cấp ngày..... tại.....

4. Người đại diện theo pháp luật:

Họ tên: ..... Giới tính: .....

Chức vụ: .....

Quốc tịch ..... Sinh ngày: .....

Số CM..... Cấp ngày ..... tại .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....

Điện thoại: ..... E-mail: .....

5. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đã được cấp số:..... ; Hết hiệu lực:.....

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC KIỂM ĐỊNH TỪ NĂM 20... ĐẾN NĂM....

1. Tình hình thực hiện các quy định pháp luật về trách nhiệm của đơn vị hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động:.....

2. Số lượng thiết bị thực hiện kiểm định:

STT	Đơn vị	Số lượng đối tượng đã kiểm định đạt yêu cầu		Thiết bị nâng		Thiết bị áp lực		Thiết bị đặc thù quân sự		Thiết bị không đạt yêu cầu về an toàn
		Lần đầu	Định kỳ	Lần đầu	Định kỳ	Lần đầu	Định kỳ	Lần đầu	Định kỳ	
I	Năm 20...									
...	Năm 20...									
	Năm 20..									
	Tổng số	...	...							

3. Những thay đổi về năng lực kiểm định của đơn vị:

....

....

4. Việc thực hiện các đề nghị, kiến nghị của đoàn thanh tra, kiểm tra

....

....

5. Các hình thức xử lý kỷ luật, khen thưởng (nếu có):

....

....

III. KIẾN NGHỊ (NẾU CÓ)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên đơn vị quản lý cấp trên;
- (2) Tên đơn vị kiểm định;
- (3) Tên đơn vị nhận báo cáo.

Mẫu 13. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

TỔNG CỤC KỸ THUẬT
BỘ THAM MƯU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN
(Kèm theo Quyết định số...../QĐ-BTM ngày ...tháng...năm.....)

Tên đơn vị:.....
Địa chỉ:.....
Số đăng ký chứng nhận:.....

Được chứng nhận có đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động trong Bộ Quốc phòng. Phạm vi kiểm định được chứng nhận:

Tên đối tượng kiểm định (Theo danh mục máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong BQP)	**Giới hạn đặc tính kỹ thuật** (Giới hạn đặc tính kỹ thuật của máy, thiết bị, vật tư mà tổ chức có khả năng thực hiện)

Ngày cấp:.....
Ngày hết hiệu lực:.....
Cấp lần thứ:.....

THAM MƯU TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu 14. Công văn đề nghị cấp (cấp lại) chứng chỉ kiểm định viên

.....(1)*.....	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....(2)*.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../	....., *ngày ..... tháng ..... năm.....*

Kính gửi:.....(3)*.....

Tên đơn vị quản lý kiểm định viên:.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại:..... Fax:..... E-mail: .....

đề nghị cấp (hoặc cấp lại) chứng chỉ kiểm định viên cho các cá nhân có tên sau đây:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ học vấn	Kinh nghiệm hoạt động kiểm định	Phạm vi đề nghị		Hình thức cấp chứng chỉ	Ghi chú
					Tên đối tượng kiểm định	Giới hạn đặc tính kỹ thuật		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*

Hồ sơ kèm theo gồm có:

.....

.....

.....

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:...

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1)* Tên đơn vị quản lý cấp trên;
- (2)* Tên đơn vị kiểm định;
- (3)* Tên Cơ quan quản lý Công tác an toàn, bảo hộ lao động trong Quân đội;
- Cột (8): Ghi rõ cấp lần đầu hoặc cấp lại lần thứ mấy;
- Cột (9): Ghi Số hiệu kiểm định viên (nếu là đề nghị cấp lại).

Mẫu 15. Sơ yếu lý lịch kiểm định viên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm.....

SƠ YẾU LÝ LỊCH KIỂM ĐỊNH VIÊN

I. Thông tin chung

Họ và tên:.....Nam/Nữ: .....

Ngày tháng năm sinh:.....

Nguyên quán:.....

Chỗ ở hiện nay:.....

Đơn vị công tác: .....

II. Tóm tắt quá trình công tác và huấn luyện nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động (*)

1. Trình độ học vấn:

2. Chuyên ngành:

3. Đã hoàn thành các lớp huấn luyện kiểm định viên kỹ thuật an toàn lao động và bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định viên sau:

TT	Tên lớp huấn luyện, bồi dưỡng	Thời gian huấn luyện		Nơi huấn luyện
		Từ	Đến	

4. Quá trình công tác:

TT	Nội dung và nơi làm việc	Thời gian		Ghi chú
		Từ	Đến	

5. Khen thưởng, kỷ luật trong công tác kiểm định (nếu có).....

Tôi xin cam đoan những nội dung trên là đúng sự thực./.

Thủ trưởng đơn vị	**Người khai**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

(*): Chỉ khai những thay đổi so với lần khai trước, liền kề đối với trường hợp cấp lại.

Mẫu 16. Chứng chỉ kiểm định viên

TỔNG CỤC KỸ THUẬT
BỘ THAM MƯU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm.....

Ảnh 3x4 (đóng dấu giáp lai hoặc dấu nổi)

CHỨNG CHỈ KIỂM ĐỊNH VIÊN

Số hiệu:.....

Họ và tên: ....Ngày sinh: .....

Đơn vị đề nghị cấp chứng chỉ: .....

.....

Địa chỉ đơn vị: ..... Số điện thoại: .....

Phạm vi kiểm định: .....

STT	**Tên đối tượng kiểm định** (Theo danh mục máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong Bộ Quốc phòng)	**Giới hạn đặc tính kỹ thuật** (Giới hạn đặc tính kỹ thuật của máy, thiết bị, vật tư mà kiểm định viên có khả năng thực hiện)
1	.....	
2	.....	

Ngày hết hạn: .....

Cấp lần thứ:.....

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu 17. Phiếu khai báo sử dụng đối tượng kiểm định

.....(1).....
.....(2).....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm.....

PHIẾU KHAI BÁO SỬ DỤNG ĐỐI TƯỢNG KIỂM ĐỊNH

I. THÔNG TIN ĐƠN VỊ KHAI BÁO

1. Tên đơn vị:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Điện thoại:.....4. Fax:.....5. E-mail:.....

II. NỘI DUNG KHAI BÁO

STT	Tên đối tượng kiểm định	Số seri Giấy chứng nhận kết quả kiểm định	Nơi lắp đặt/ sử dụng đối tượng kiểm định

(Kèm theo bản phô tô giấy chứng nhận kết quả kiểm định số: .... do đơn vị kiểm định.... cấp)./.

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên đơn vị quản lý cấp trên;
- (2) Tên đơn vị sử dụng đối tượng.

Mẫu 18. Báo cáo định kỳ tình hình hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

.....(1).....	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....(2).....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../	*....., ngày ... tháng ... năm .....*

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG
(Từ ngày .../.../20... đến ngày .../.../20...)

Kính gửi:.....(3).....

Thực hiện quy định theo Thông tư số /2016/TT-BQP ngày tháng 12 năm 2016 của Bộ Quốc phòng quy định công tác kiểm định kỹ thuật an toàn máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong Bộ Quốc phòng, ...(2)... báo cáo tình hình hoạt động kiểm định trong (6 tháng hoặc một năm) như sau:

BẢNG 1. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KIỂM ĐỊNH MÁY, THIẾT BỊ CÓ YÊU CẦU NGHIÊM NGẶT VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG TẠI CÁC ĐƠN VỊ

STT	Tên đơn vị	Số lượng đối tượng đã kiểm định	
		Lần đầu	Định kỳ
1			
2			
...			
	Tổng số	...	...

BẢNG 2. PHÂN LOẠI THIẾT BỊ ĐÃ ĐƯỢC KIỂM ĐỊNH TẠI CÁC ĐƠN VỊ

Đối tượng kiểm định (Ghi số thứ tự của đối tượng kiểm định theo danh mục tại Bảng 1)	Đơn vị tính	Kiểm định Lần đầu/ Định kỳ	Số lượng đối tượng đã kiểm định đạt yêu cầu
1		Lần đầu:	
		Định kỳ:	
2		Lần đầu:	
		Định kỳ:	
.....		Lần đầu:	
		Định kỳ:	
Tổng số		Lần đầu:	
		Định kỳ:	

Đánh giá, kiến nghị, đề xuất:

1. Đánh giá công tác kiểm định:
2. Những vấn đề nảy sinh trong quá trình kiểm định:

3. Đề xuất, kiến nghị đối với cơ quan quản lý công tác an toàn lao động trong Bộ Quốc phòng để nâng cao hoạt động kiểm định:

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:
- (1) Tên đơn vị quản lý cấp trên;
- (2) Tên đơn vị kiểm định;
- (3) Tên đơn vị nhận báo cáo.

Mẫu 19. Báo cáo thực lực và tình hình kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

.....(1)*.....	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....(2)*.....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ... /	*....., ngày ... tháng ... năm .....*

BÁO CÁO
THỰC LỰC VÀ TÌNH HÌNH KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG

Kính gửi: .....(3)*.....

Căn cứ Thông tư số /2016/TT-BQP ngày tháng 12 năm 2016 của Bộ Quốc phòng quy định công tác kiểm định kỹ thuật an toàn máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong Bộ Quốc phòng;

Đơn vị...(2), báo cáo thực lực và tình hình kiểm định trong (sáu tháng, một năm) như sau:

TT	Tên đơn vị	Quy cách kỹ thuật / Tên đối tượng	Mã hiệu	Số đăng ký	Nơi chế tạo	Nơi lắp đặt	Đặc tính kỹ thuật cơ bản				Kết quả kiểm định	Thời gian kiểm định lần sau
							A	B	C	D		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)

Ghi chú:

(1)* Tên đơn vị quản lý cấp trên.

(2)* Tên đơn vị báo cáo.

(3)* Tên đơn vị nhận báo cáo.

(3) Tên đối tượng, nước sản xuất, năm sản xuất.

(5) Nếu chưa đăng ký theo quy định tại Thông tư này ghi "kiểm định lần đầu".

(6) Đơn vị chế tạo, địa chỉ đơn vị chế tạo.

(7) Đơn vị lắp đặt, địa chỉ đơn vị lắp đặt.

* Đặc tính kỹ thuật cơ bản (8), (9), (10), (11) ghi các thông số sau:

- Đối với thiết bị áp lực, A: Áp suất (bar, 1 bar = 1,02 KG/cm^2), B: Dung tích (l), C: Năng suất (kg/h, kcal/h);
- Đối với thiết bị nâng, A: Trọng tải (T), B: Khẩu độ (m), C: Vận tốc (m/min);
- Đối với thang máy, A: Trọng tải (kg), B: Số tầng dừng, C: Vận tốc (m/min);
- Đối với các thiết bị đặc thù quân sự, ghi các thông số yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn đặc trưng.

(12) Ghi "đạt yêu cầu" hoặc "không đạt yêu cầu".

(13) Tháng /năm kiểm định lại.

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)